

Số: /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản số 298/CT-KHKT ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thủ Thừa”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa, địa chỉ tại số 46-48 đường số 1, khu phố Bình Cư 3, phường Long An, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thủ Thừa” địa điểm tại xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thủ Thừa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101881684 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 5 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 4 năm 2026; Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án 7863836841 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An cấp chứng nhận lần đầu ngày 02 tháng 8 năm 2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 05 ngày 25 tháng 12 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 1101881684.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Thủ Thừa phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Ngành nghề thu hút đầu tư</b>	<b>Mã ngành kinh tế Việt Nam</b>
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Sản xuất đồ uống	C 11
3	Sản xuất thuốc lá (chỉ vắn điếu, không ngậm tẩm)	C 12
4	Dệt (có công đoạn nhuộm (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm)	C 13
5	Sản xuất trang phục (có công đoạn nhuộm, tẩy, in (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm)	C 14
6	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không có công đoạn thuộc da, sơ chế da)	C 15
7	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tót bện	C 16
8	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không sử dụng nguyên liệu từ sinh khối và không có công đoạn tái chế phế liệu)	C 17 (không bao gồm 1701)
9	In ấn và dịch vụ liên quan đến in	C 18
10	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (chỉ bao gồm sản xuất phân bón (chỉ phối trộn), chất tẩy rửa, thuốc nhuộm, sơn, mực in)	C 20
11	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C 21
12	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (chỉ bao gồm sản xuất nhựa gia dụng, bao bì nhựa)	C 22
13	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu	C 239
14	Sản xuất kim loại (không có công đoạn luyện, không sử dụng nguyên liệu từ phế liệu)	C 24
15	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (có công đoạn xi mạ (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm)	C 25
16	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (không bao gồm sản xuất sản phẩm quang học)	C 26
17	Sản xuất thiết bị điện	C 27
18	Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu (có công đoạn xi mạ (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm)	C 28
19	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C 29
20	Sản xuất mô tô, xe máy	C 3091
21	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C 31
22	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác (có công đoạn xi mạ (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm)	C 32
23	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa	D 35

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
	không khí (chỉ tiếp nhận các dự án sang chiết, phân phối khí đốt)	
24	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	E 36
25	Hoạt động kinh doanh bất động sản	M 68
26	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	H 5022
27	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	T 953

#### 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 170,706 ha. Trong đó:
  - + Đã hoàn thành: 93,266 ha;
  - + Tiếp tục thực hiện: 77,44 ha.

#### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa có trách nhiệm:
  - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
  - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
  - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày.....tháng.....năm 2033).

**Điều 4.** Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Tây Ninh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Tây Ninh;
- Ban Quản lý KKT tỉnh Tây Ninh;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Công ty CP Phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, Hieu.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nhà làm việc tại trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Phòng thí nghiệm của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Khu vực ép bùn của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 04: Các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Thủ Thừa.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Ranh, nước thải sau đó tiếp tục chảy ra rạch Bà Báng, chảy vào kênh Thủ Thừa và sông Vàm Cỏ Đông.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Vị trí: Xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45''$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X = 1174927,328; Y = 570080,64.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải từ mương quan trắc tự chảy ra kênh Ranh.
- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ ra kênh Ranh.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm, liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	≤ 40	Miễn quan trắc định kỳ	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6 - 9		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 30		
5	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ), tính theo N	mg/L	≤ 5,0		
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ở 20°C)	mg/L	≤ 30		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 20	03 tháng/lần	Không áp dụng
8	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 4,0		
9	Tổng Coliform	MPN /100 mL	≤ 3000		
10	Độ màu	Pt/Co	≤ 50		
11	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05		
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,001		
13	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,1		
14	Cadmi (Cd)	mg/L	≤ 0,02		
15	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/L	≤ 0,1		
16	Tổng Crom (Cr)	mg/L	≤ 0,5		
17	Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1,0		
18	Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 1,0		
19	Niken (Ni)	mg/L	≤ 0,1		
20	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2,0		
21	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2,0		
22	Xianua (CN <sup>-</sup> )	mg/L	≤ 0,2		
23	Phenol (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> OH)	mg/L	≤ 0,1		
24	Tổng Phenol	mg/L	≤ 1,0		
25	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 1,0		
26	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 5,0		
27	Sulfua (S <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	≤ 0,2		
28	Florua (F <sup>-</sup> )	mg/L	≤ 3,0		
29	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	≤ 500		
30	Clo dư	mg/L	≤ 1,0		
31	Dioxin/Furan <sup>(1)</sup>	pgTEQ/L	≤ 10		
32	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) <sup>(2)</sup>	mg/L	≤ 7,5		
33	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 3,0		
34	Pentachlorophenol (C <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub> OH) <sup>(3)</sup>	mg/L	≤ 0,001		
35	Chloroform (CHCl <sub>3</sub> ) <sup>(4)</sup>	mg/L	≤ 0,3		
36	1,4-Dioxane (C <sub>4</sub> H <sub>8</sub> O <sub>2</sub> ) <sup>(5)</sup>	mg/L	≤ 0,05		
37	Diethylhexylphthalate (DEHP) (C <sub>6</sub> H <sub>4</sub> (CO <sub>2</sub> C <sub>8</sub> H <sub>17</sub> ) <sub>2</sub> ) <sup>(6)</sup>	mg/L	≤ 0,02		
38	Formaldehyde (HCHO) <sup>(7)</sup>	mg/L	≤ 1		
39	Sunfit (tính theo SO <sub>3</sub> <sup>2-</sup> ) <sup>(8)</sup>	mg/L	≤ 5		

**Ghi chú:**

- (1), (2), (4) Chỉ thực hiện giám sát khi Khu công nghiệp có cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C17 khi sử dụng hóa chất Clo trong công đoạn tẩy trắng.
- (3) Chỉ thực hiện giám sát khi Khu công nghiệp có cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C16.
- (2) Chỉ thực hiện giám sát khi Khu công nghiệp có cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C2022.
- (5), (7) Chỉ thực hiện giám sát khi Khu công nghiệp có cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C2023.
- (6) Chỉ thực hiện giám sát khi Khu công nghiệp có cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C22.
- (1), (8) Chỉ thực hiện giám sát khi Khu công nghiệp có cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C239 nếu có công đoạn đồng xử lý chất thải trong lò nung clinker, xi măng có phát sinh nước thải từ công đoạn xử lý khí thải và mã ngành nghề C242.
- (8) Chỉ thực hiện giám sát khi Khu công nghiệp có cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề D35112.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 01 được thu gom về bể tự hoại sau đó về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.
- Nguồn số 02 và 03 được thu gom bằng đường ống về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.
- Nguồn số 04 được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp thứ cấp để đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp trước khi thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

Đã xây dựng mô đun 1 của trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ bơm → Bể lắng cát kết hợp tách dầu → Bể điều hòa → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử màu → Bể keo tụ → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Kênh Ranh.

- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Chế độ vận hành: Thường xuyên, liên tục.
- Hóa chất sử dụng: H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaOH, PAC, NaOCl, A-Polymer, C-Polymer, Methanol, chất khử màu (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

- Số lượng: 01 trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc, trước khi xả ra ngoài môi trường.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: 01 bộ.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc phải được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh để theo dõi, giám sát.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

##### 1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sự cố có thể tích 16.000 m<sup>3</sup>, thành và đáy hồ được lót lớp HDPE chống thấm.

##### 1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục hoặc thông qua chương trình giám sát nước thải đầu ra định kỳ hoặc đột xuất: Ngưng vận hành hệ thống và đóng van cửa xả nước thải ra ngoài môi trường; nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố; rà soát toàn bộ trạm xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện ra sự cố và khắc phục sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận của trạm xử lý nước thải tập trung, điều chỉnh giảm lưu lượng đi vào hệ thống xử lý, lượng còn lại được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Điều hướng, dẫn nước thải sau xử lý từ mương quan trắc về hồ sự cố cho đến khi nước thải lưu chứa trong hồ sự cố đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung, lúc này nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp lưu lượng đầu vào lớn hơn công suất thiết kế: Tạm thời lưu chứa một phần nước thải vào hồ sự cố, đồng thời xác định doanh nghiệp xả thải với lưu lượng lớn, vượt công suất đã đăng ký; yêu cầu doanh nghiệp đó điều chỉnh lưu lượng xả nước thải, đảm bảo công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp tạm dừng trạm xử lý nước thải tập trung để duy tu, bảo trì, nước thải được đưa về hồ sự cố. Sau khi bảo trì xong thì nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

##### 1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (đầu vào của khu công nghiệp)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ở 20°C)	mg/L	≤ 400
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 500
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 250
4	pH	-	6 - 9
5	Nhiệt độ	°C	≤ 40
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 6,0
8	Tổng Coliform	MPN /100 mL	≤ 10.000
9	Độ màu	Pt/Co	≤ 100
10	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,001
12	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,5
13	Cadmi (Cd)	mg/L	≤ 0,1
14	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/L	≤ 0,1
15	Tổng Crom (Cr)	mg/L	≤ 2,0
16	Đồng (Cu)	mg/L	≤ 3,0
17	Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 5,0
18	Niken (Ni)	mg/L	≤ 0,3
19	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 10
20	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 10
21	Xianua (CN <sup>-</sup> )	mg/L	≤ 0,2
22	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ), tính theo N	mg/L	≤ 10
23	Phenol (C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> OH)	mg/L	≤ 0,1
24	Tổng Phenol	mg/L	≤ 1,0
25	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 5,0
26	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 30
27	Sulfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	≤ 0,5
28	Florua (F <sup>-</sup> )	mg/L	≤ 15
29	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) (không áp dụng khi xả thải vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/L	≤ 500
30	Clo dư	mg/L	≤ 2,0
31	Dioxin/Furan <sup>(1)</sup>	pgTEQ/L	≤ 10
32	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) <sup>(2)</sup>	mg/L	≤ 7,5
33	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 3,0
34	Pentachlorophenol (C <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub> OH) <sup>(3)</sup>	mg/L	≤ 0,001
35	Chloroform (CHCl <sub>3</sub> ) <sup>(4)</sup>	mg/L	≤ 0,3
36	1,4-Dioxane (C <sub>4</sub> H <sub>8</sub> O <sub>2</sub> ) <sup>(5)</sup>	mg/L	≤ 0,05

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (đầu vào của khu công nghiệp)
37	Diethylhexylphthalate (DEHP) (C <sub>6</sub> H <sub>4</sub> (CO <sub>2</sub> C <sub>8</sub> H <sub>17</sub> ) <sub>2</sub> ) <sup>(6)</sup>	mg/L	≤ 0,02
38	Formaldehyde (HCHO) <sup>(7)</sup>	mg/L	≤ 1
39	Sunfit (tính theo SO <sub>3</sub> <sup>2-</sup> ) <sup>(8)</sup>	mg/L	≤ 5

**Ghi chú:**

- <sup>(1), (2), (4)</sup> Chỉ thực hiện giám sát đối với cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C17 khi sử dụng hóa chất Clo trong công đoạn tẩy trắng.
- <sup>(3)</sup> Chỉ thực hiện giám sát đối với cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C16.
- <sup>(2)</sup> Chỉ thực hiện giám sát đối với cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C2022.
- <sup>(5), (7)</sup> Chỉ thực hiện giám sát đối với cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C2023.
- <sup>(6)</sup> Chỉ thực hiện giám sát đối với cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C22.
- <sup>(1), (8)</sup> Chỉ thực hiện giám sát đối với cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề C239 nếu có công đoạn đồng xử lý chất thải trong lò nung clanke, xi măng có phát sinh nước thải từ công đoạn xử lý khí thải và mã ngành nghề C242.
- <sup>(8)</sup> Chỉ thực hiện giám sát khi Khu công nghiệp có cơ sở thứ cấp hoạt động sản xuất với mã ngành nghề D35112.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 - 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Mô đun 1 của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại hố thu nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải.
- Tại cửa xả nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần trong ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom nước thải và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có đồng hồ độc lập đo lượng điện tiêu thụ của trạm xử lý nước thải tập trung. Việc vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

3.5. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống/công trình xử lý nước thải gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong giấy phép môi trường.

3.7. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đấu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp trước khi thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp được thu gom, đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

3.8. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.9. Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường này ra ngoài môi trường.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm 2026  
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của mô đun 01.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**2.1. Tiếng ồn:**

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

**2.2. Độ rung:**

Từ 06 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 06 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	60	-	Khu vực thông thường

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1 Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

1.2 Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng của máy bơm).

1.3. Sử dụng đệm cao su kê các chân đế máy để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMТ-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

- 1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khoảng 21.150 kg/năm.
- 1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Khoảng 26.040 kg/năm.
- 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 2,7 tấn/năm.
- 1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Khoảng 803.300 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết kế, cấu tạo: Có mái che, tường bao quanh, nền bê tông; có rãnh, hố ga thu gom, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Diện tích thiết kế: 9,61 m<sup>2</sup>.

**2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết kế, cấu tạo: Có mái che, tường xây xung quanh, nền bê tông.

- Diện tích thiết kế: 4,65 m<sup>2</sup>.

**2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:**

- Thiết kế, cấu tạo: Có mái che, tường bao quanh, nền bê tông.

- Diện tích thiết kế: Khu chứa được bố trí cùng với khu vực đặt máy ép bùn có diện tích thiết kế 27 m<sup>2</sup>.

**2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

Bố trí các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy tại các vị trí thường xuyên phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT).

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

#### **Phụ lục 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BNNMT ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN:**

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 93,266 ha trên tổng diện tích 170,706 ha của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thủ Thừa” theo Quyết định số 478/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thủ Thừa”.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 478/QĐ-BTNMT nêu trên:

2.1. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trên diện tích còn lại là 77,44 ha.

2.2. Xây dựng mới 02 mô đun xử lý nước thải, mỗi mô đun có công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đảm bảo tổng công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung là 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý của mô đun xử lý nước thải công suất thiết kế 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Nước thải đầu vào → Hồ bơm → Bể lắng cát kết hợp tách dầu → Bể điều hòa → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử màu → Bể keo tụ → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

2.3. Xây dựng Nhà máy xử lý nước cấp công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.4. Xây dựng bổ sung diện tích các kho chứa gồm: Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường 5,45 m<sup>2</sup>; kho chứa chất thải nguy hại diện tích 2,4 m<sup>2</sup>; kho chứa bùn thải kết hợp nhà đặt máy ép bùn diện tích 10 m<sup>2</sup>.

2.5. Bảo đảm tỷ lệ cây xanh của cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2.6. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sau khi hoàn thành hạng mục, công trình xây dựng và bảo vệ môi trường nêu trên, Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng; bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

8. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

9. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.